

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Tập 133

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi, xem từ dòng cuối cùng.

“*Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*” (vượt trội các pháp vốn có trong thế gian). Trong hạnh lợi tha của Bồ Tát, vừa mở đầu liền nói: “*Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” (Đắc biện tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế). Ở đây, chúng ta lại tiếp tục xem tới câu “*siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*”. Mấy câu này là một đoạn ngắn. “*Diệu hạnh hiển Thật*”: Nơi phần nói về Tứ Đức trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, điều thứ nhất là “*tùy duyên diệu hạnh*”, mấy câu này đều thuộc về đức ấy. Đặc biệt là trong câu này, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, nên dùng thân gì để độ được, liền hiện thân nấy, nên dùng phương pháp gì để giúp đỡ chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy. Chẳng có phương pháp nhất định, mà cũng chẳng có hình tướng nhất định, thấy đều là “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng lãnh hội của họ*” như kinh Lăng Nghiêm đã nói, đúng là “*đắc đại tự tại*”.

Hoàng lão cư sĩ đã trích dẫn lời giải thích của mấy vị tổ sư đại đức. Trước hết, cụ trích dẫn Tịnh Ảnh Sớ. Pháp sư Huệ Viễn đời Tùy đã giải thích câu này như sau: “*Vị quá Phần Đoạn, Biến Dịch thế gian nhất thiết pháp giả*” (ý nói vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch, hết thấy các pháp thế gian). “*Quá*” (過) là vượt qua. Vì Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử bao quát mười pháp giới, trong mười pháp giới có lục đạo. Hai thứ sanh tử ấy lục đạo đều có, cũng tức là Biến Dịch và Phần Đoạn thấy đều có. Phần Đoạn (分段) là từng đoạn một, loài người chúng ta từ lúc sanh ra cho đến tử vong, khoảng thời gian ấy gọi là một đoạn (giai đoạn). Biến Dịch (變易) là gì? Biến hóa mỗi ngày, loài người chúng ta sanh, già, bệnh, chết. Chẳng phải là bỗng dưng già, mà là mỗi ngày một già hơn, biến hóa mỗi ngày, đó là Biến Dịch. Trong bốn thánh pháp giới, tức là các giai tầng cao trong mười pháp giới, bốn thánh pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch. Vì thế, nói Phần Đoạn và Biến Dịch, bèn gồm trọn mười pháp giới trong ấy. Chư vị phải biết: Vượt thoát mười pháp giới, nếu sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Biến Dịch chẳng còn nữa, Biến Dịch sanh tử cũng đoạn; trong cõi ấy là vĩnh hằng bất biến, do nguyên nhân gì? Vì các Ngài chẳng dùng Thức. Đức Phật bảo chúng ta: Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Chỉ cần còn có duy thức, sẽ còn có Biến Dịch sanh tử. Các Ngài chẳng có thức, đã chuyển thức thành trí, [tức là] chuyển tám thức thành bốn trí, Biến Dịch sanh tử sẽ chẳng còn nữa. Vì thế, hai thứ sanh tử đều

chẳng có; đó là thành Phật, minh tâm kiến tánh. Đã thành Phật thì hai thứ sanh tử đều chẳng còn! Theo kinh Hoa Nghiêm, đó là từ Sơ Trụ trở lên, thuộc vào bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Những vị Bồ Tát ấy trí huệ và đức tướng chân thật, trí huệ và đức tướng hoàn toàn hiện tiền.

Tiếp đó, cụ Hoàng trích dẫn ba lời chú giải đầu của [các vị đại đức] Nhật Bản. Sách Hợp Tán do pháp sư Quán Triệt (觀徹) người Nhật soạn, đây chính là tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ. “*Hợp Tán vân: Siêu quá Phần Đoạn, Biến Dịch nhị tử, an trụ xuất thế Nhị Không chi trí, thử tức thành tựu Trí Đoạn nhị đức dã*” (Sách Hợp Tán viết: “Vượt qua hai thứ sanh tử Phần Đoạn và Biến Dịch, an trụ trong hai Không Trí xuất thế. Đây chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức”). Lời chú giải này tỉ mỉ hơn bản trước. Câu đầu giảng “*vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch sanh tử*” giống như Viên Công đã nói, nhưng phần sau lại còn nói thêm: An trụ trong hai Không Trí xuất thế, đây chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức; giảng cặn kẽ hơn cách trước. “*Trí*” là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, minh tâm kiến tánh. Trí huệ ấy hiện tiền, đó là Trí Đức. Đoạn Đức là hai thứ sanh tử đều đã đoạn; đó là Đoạn Đức.

Chúng ta lại xem Hội Sớ; sách này của pháp sư Tuấn Đế (峻諦) người Nhật: “*Tam giới hư vọng, giai bất thường trụ, tổng danh thế gian*” (ba cõi hư vọng, đều chẳng thường trụ, gọi chung là “thế gian”). “*Tam giới*” (三界) là nói về lục đạo, chẳng bao gồm tứ thánh pháp giới. Trong lục đạo có Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là tam giới. Tam giới hư vọng, trong kinh thường nói là “*đều chẳng thường trụ*”. Nói thật ra, nó sanh diệt trong từng sát-na. Không chỉ lục đạo là như thế, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng chẳng phải là thường trụ, nên [cả mười pháp giới] đều có thể gọi là “*thế gian*”. “*Chúng sanh, quốc độ, tạng phủ vạn sai, thị danh chư sở hữu pháp*” (Chúng sanh, cõi nước, hoàn cảnh tốt xấu muôn vàn sai khác, đó gọi là “chư sở hữu pháp”), đây là lời giải thích câu kinh trong phần sau [của đoạn Diệu Hạnh Hiện Thật, tức câu] “*siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*”. Chúng sanh và cõi nước, trong tam giới cũng rất phức tạp. Đối với tam giới, trong phần trước, chúng ta đã thấy khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, gọi chung là “*tam giới*”, kể cả tam giới đang được nói đến ở chỗ này. Một khu vực lớn ngàn ấy bao gồm Sa Bà thế giới tam thiên đại thiên thế giới, như Hoàng lão cư sĩ đã nói thì tổng cộng là mười ức hệ Ngân Hà; đối với một nơi to lớn như thế, nhìn từ tam giới, địa cầu vô cùng bé nhỏ! Trong mười ức hệ Ngân Hà, địa cầu thẳm vào đâu? Vô cùng nhỏ bé! Trong các tinh cầu, có nơi rất tốt đẹp, cũng có nơi rất tệ, giống như địa cầu của chúng ta hiện thời rất tệ. Hiện tại, xã hội động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, ở đây, những điều ấy được [sư Tuấn Đế] diễn tả là “*tạng phủ vạn sai*” (臧否萬差). “*Tạng*” (臧) là hoàn cảnh tốt đẹp, tức là hoàn cảnh cư trụ trên tinh cầu ấy tốt đẹp. Đời sống trên quả địa cầu này đã từng tốt đẹp. Cổ thư Trung Quốc đã ghi chép thời “*thịnh trị đại đồng*” được Khổng Tử tán thán, người thời nào vậy? Trong các thời của Hoàng Đế, Nghiêu,

Thuần, Vũ, Thang, thì các thời đại Hoàng Đế, Nghiêu, Thuần là thời thịnh trị đại đồng. Thời vua Vũ vẫn còn khá; kể từ sau khi vua Vũ truyền ngôi cho con, Hạ Khải lên ngôi Thiên Tử trở đi, cho đến thời Văn Vương, Vũ Vương, Châu Công, Khổng phu tử đánh giá những thời đại ấy là thời “*thịnh trị tiểu khang*”. Nhìn vào lịch sử Trung Quốc, đời Hán có “*Văn Cảnh chi trị*”, tức thời thịnh trị của Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế, đời Đường có thời thịnh trị Trinh Quán và Khai Nguyên, đều là thời thịnh trị. Nhà Thanh có các đời vua Khang Hy và Càn Long, đều có thể coi như thời thịnh trị trong lịch sử, nhưng đều thuộc loại tiểu khang, chẳng phải là đại đồng.

Khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là tam thiên đại thiên thế giới, trong các tinh cầu nhiều ngàn ấy, có thời thịnh trị đại đồng hay không? Khẳng định là có! Cũng có nơi là đời loạn giống như chúng ta trong hiện tại, đã loạn đến mức không thể loạn hơn nữa; hiện thời có rất nhiều người nói đến tận thế. Vì thế, “*tạng phủ vạn sai*” (vạn muôn tốt xấu sai khác) được nói ở chỗ này là nói theo quả. Xét theo nhân, luôn có mối quan hệ nhân quả với cư dân trên tinh cầu. Nếu họ giữ tâm lòng thiện lương, tâm và hạnh đều thiện, tinh cầu ấy là đời thịnh trị, là thời thịnh trị đại đồng. Tâm hạnh bất thiện, nhưng có thể có được giáo huấn của thánh hiền, tuy chẳng thể nói là tất cả mọi người đều tuân theo, nhưng sẽ biến thành thời đại đồng do một số ít người. “*Số ít*” là bao nhiêu? Cổ nhân thường nói là một phần trăm, tức là trong một trăm người, có một thiện nhân, một người tốt lành, [cõi đời ấy] luôn có thể trở thành thời tiểu khang, một người trong trăm người đấy nhé! Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều ấy. Nếu trong một trăm người, chẳng có một thiện nhân nào, sẽ là chuyện rắc rối, sẽ biến thành đời loạn. Trong xã hội hiện tiền, giữa một trăm người, chẳng tìm được một thiện nhân, có thể là trong một ngàn người vẫn tìm chẳng thấy! Đại khái là trong một vạn người, may ra tìm thấy! Một phần vạn, một phần mười vạn thì xã hội loạn rồi! Một trăm người bất thiện, có một người thiện, xã hội còn có thể duy trì. Cổ nhân nói “*tà chẳng thể thắng chánh*”, có một người tâm hạnh thuần chánh, người ấy sẽ ít nhiều có thể cảm hóa chín mươi chín người kia. Chúng ta có thể tin vào cách nói này. Đó gọi là “*chư sở hữu pháp*”. “*Bồ Tát thâm dĩ đại trí huệ*” (Bồ Tát do đại trí huệ sâu xa); thời cổ, chữ Huệ (惠) trong ân huệ (恩惠) và chữ Huệ (慧) trong trí huệ (智慧) được sử dụng lẫn lộn, “*đạt tánh không, vô tướng, cố vân siêu quá*” (thấu đạt tánh Không, vô tướng, nên gọi là “vượt qua”). Những vị Bồ Tát ấy minh tâm kiến tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, liễu giải tất cả hết thảy hiện tượng, tướng có, tánh không. “*Tướng có*” là Huyền Hữu, “*tánh không*” là Chân Không. Vì thế, trong hết thảy các hiện tượng, các Ngài chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, đó là “*siêu quá*”, vượt trội các pháp vốn có trong thế gian. Sách Hội Số giải thích cặn kẽ hơn hai sách trước.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Chân Giải* (do pháp sư Đạo Ẩn (道隱) của Nhật Bản nói, Sư nói rất hay) *chi thuyết sảo dị u tiên, bỉ viết: Thế gian chư sở hữu pháp giả, hữu vi khả phá hoại, danh thế gian*” (Thuyết của sách Chân Giải hơi khác với các sách

trên, sách viết: “Tất cả các pháp vốn có trong thế gian, hữu vi có thể phá hoại, nên gọi là thế gian”). [Cách nói này] đã bao quát cả mười pháp giới trong ấy, vì sao? Chúng đều là pháp hữu vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt. Tuy trong bốn thánh pháp giới chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch sanh tử, nên vẫn là pháp hữu vi. Nhất định phải đạt đến Nhất Chân pháp giới mới là pháp vô vi. Chúng ta không có cách nào tưởng tượng cảnh giới ấy, nên thông thường kinh Phật dùng một câu là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chúng ta chẳng thể tưởng tượng, nói thực tại là có nói cũng chẳng diễn tả được! Nói không được mà đức Phật nói với chúng ta, đó là phương tiện thiện xảo của đức Phật. Tuy nói ra, nhưng người thật sự có thể lãnh hội, thật sự có thể thấu hiểu, nói thật ra, trọn chẳng nhiều! Chúng ta chỉ hiểu ý nghĩa thô thiển được diễn tả bởi danh từ ấy, chứ tánh, tướng, lý sự, nhân quả chân thật trong ấy chúng ta đều chẳng có cách nào liễu giải. “*Y, chánh, thiện, ác, nhân, quả đẳng, nhất thiết hữu vi chư pháp*” (Y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v... hết thảy các pháp hữu vi). Sư (pháp sư Đạo Ân) nói đến thế gian, lại nói đến pháp hữu vi như y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân quả... Trong khi đó, sách Hội Sớ trong phần trước chỉ dùng bốn chữ là “*tạng phủ vạn sai*”, còn sách Chân Giải giảng rất rõ ràng, chúng ta rất dễ hiểu. [Chân Giải] dùng y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v... đó là những pháp hữu vi, để giải thích từ ngữ “*sở hữu pháp*”. “*Bồ Tát năng tri nhất thiết tam giới hư vọng, nhi hành thế gian bất xả, cố vân siêu quá*” (Bồ Tát biết hết thảy tam giới hư vọng, nhưng đi trong thế gian, chẳng bỏ, nên gọi là “vượt qua”). Câu này nói rất hay, [các vị Bồ Tát] biết [“*chư sở hữu pháp*”] là giả; dầu giả, các Ngài vẫn chẳng bỏ. Các Ngài vẫn đến thị hiện trong thế gian này, đến giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ, đó là đại từ đại bi. “*Dĩ thượng chư thuyết giai thị*” (các thuyết trên đây đều đúng), đều nói chẳng sai, “*đản Chân Giải di khế bổn kinh*” (nhưng thuyết của sách Chân Giải hết sức phù hợp kinh này). [Cụ Hoàng] tán thán cách giải thích của sách Chân Giải vô cùng phù hợp với giáo nghĩa của kinh này.

A Di Đà Phật chẳng bỏ hết thảy chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải biết, phải cảm ơn. Báo ân như thế nào? Để báo ân, chỉ có y giáo tu hành, thật sự hành. Trong một đời này, có thể thành tựu hay không? Xác thực là chỉ có sáu chữ, làm được sáu chữ ấy, quý vị quyết định thành Phật trong một đời này! Sáu chữ ấy là “*thật thà, nghe lời, làm thật*”, quý vị sẽ thành công. “Thật thà” là gì? Nhất tâm nhất ý, đó là thật thà. Trong một đời này, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, suốt đời chẳng thay đổi, đó là thật thà. “Nghe lời” là đối với những đạo lý được nói trong kinh này, chẳng hoài nghi chút nào, biến [các đạo lý ấy] thành tư tưởng của chính mình, tiếp nhận trọn vẹn tất cả những giáo huấn trong kinh, biến chúng thành hành vi của chính mình, đó là thật sự nghe lời. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đã nêu gương tốt cho chúng ta thấy, chúng ta có thể học tập các Ngài thì gọi là “nghe lời”, là “thật sự làm”, há có lẽ nào chẳng thành Phật? Phải hành bao lâu? Hoàn toàn tùy thuộc tâm thái của quý vị. Nếu quý vị thực hiện một trăm phần trăm sáu chữ vừa nói, đúng một trăm phần trăm, chẳng giảm thiểu một chút nào, thật sự thật thà, nghe lời, thật sự hành, kinh Di Đà dạy “*nhược nhất nhật*”, một ngày bèn thành công. Kinh Di Đà dạy “*nhược nhất nhật, nhược nhi*

nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật”, chẳng khó, thật sự có thể thành công!

Trong quá khứ, thật sự có người tu [thành công như thế]: Pháp sư Oánh Kha đòi Tống. Chúng ta thấy Vãng Sanh Truyện có chép truyện của Sư, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục cũng thấy chép. Sư chỉ niệm Phật ba ngày, sáu ngày bèn vãng sanh. Theo truyện ký ghi chép, Sư là người xuất gia, nhưng là một người xuất gia phá giới, phạm giới. Ưu điểm của vị này ở chỗ nào? Sư tin sâu nhân quả. Nghĩ chính mình vì tập khí phiền não mà phá giới, nghe những lời dạy trong kinh Phật, đối chiếu với hành vi của chính mình, trong tâm nghĩ mình quyết định đọa địa ngục. Nghĩ tới tương lai phải đọa địa ngục, Sư kinh sợ, thật sự sợ hãi, chẳng phải là giả, bèn thỉnh giáo đồng tham đạo hữu: “Có phương pháp gì có thể cứu tôi hay không?” Các đồng học cũng khá lắm, tặng Sư một quyển Vãng Sanh Truyện; Sư đọc xong, thật sự cảm động. Sau khi xem xong, Sư ngồi yên trong liêu phòng của chính mình, đóng chặt cửa, chuyên niệm A Di Đà Phật, không ngủ nghỉ, không ăn cơm, chẳng uống nước, niệm một câu A Di Đà Phật suốt ba ngày ba đêm. Đúng là “chân thành bèn linh”. Vấn đề là con người phải thành tâm, do chân thành bèn linh, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo Sư: “Ông còn có mười năm tuổi thọ, hãy khéo tu hành. Mười năm sau, khi ông mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Pháp sư Oánh Kha biết căn bệnh tập khí của chính mình rất nặng, chẳng có cách nào vượt qua, bèn xốt xa cầu xin A Di Đà Phật: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng! Con ra đi ngay bây giờ có được hay không? Nay con xin đi theo Ngài”. A Di Đà Phật cũng đáp ứng: “Được rồi! Ba hôm sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Quý vị thấy niệm ba ngày cảm được A Di Đà Phật hiện đến, ước hẹn cùng A Di Đà Phật: Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn. Vì thế, Sư mở cửa liêu phòng, bảo mọi người: “Ba ngày sau, tôi sẽ vãng sanh”. Chẳng có ai tin tưởng Sư, há có chuyện đơn giản ngàn ấy? Ai nấy đều biết Sư là kẻ phá giới, là người xuất gia chẳng tuân thủ Thanh Quy, có sao đóng cửa phòng [niệm Phật] ba ngày mà ba hôm sau sẽ vãng sanh? Cũng may là thời gian ba ngày chẳng dài, mọi người đợi xem, xem thử Sư vãng sanh là thật hay giả!

Ba ngày sau, khi lên chánh điện, Sư bảo mọi người: “Hôm nay, xin mọi người niệm Phật trên chánh điện, niệm A Di Đà Phật đưa tôi đi vãng sanh”. Khi đó, mọi người tốt đẹp, ai nấy đều rất tử tế, cũng rất nghe lời: “Được rồi, hôm nay chúng tôi tiễn thầy vãng sanh”. Mọi người niệm Phật cho Sư, niệm chưa đến một khắc, một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Vào thời cổ, “thời thần” tính bằng Tý, Sửu, Dần, Mão..., dùng cách tính ấy, chẳng giống như hiện thời. Hiện nay, chúng ta dùng cách tính hai mươi bốn giờ theo ngoại quốc. “Thời thần” của Trung Quốc là mười hai giờ, nên một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Chưa đến một khắc, đại khái gần nửa tiếng đồng hồ, pháp sư Oánh Kha bảo mọi người: “Tôi đã thấy rồi, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi”, hướng về mọi người từ biệt, Sư bèn tịch. Đúng là đã vãng sanh, cũng chẳng ngã bệnh, thật sự vãng sanh. Thị hiện cho chúng ta biết: Kinh Di Đà dạy “hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày” chẳng giả, là thật. Quý vị thật sự chịu làm, A Di Đà Phật thật

sự đến! Quý vị nói chính mình niệm suốt mười mấy năm, chẳng niệm A Di Đà Phật hiện đến được, đó là gì? Tâm quý vị chẳng chân thành, chẳng khẩn thiết! Quý vị niệm Phật, A Di Đà Phật ở bên đó cười: “Hur tình giả ý, chẳng thật!” Hề là thật, Phật thật sự tới! Nhất định phải hiểu đạo lý này! Chúng ta thật sự hành, quyết định có thể thành tựu, pháp sư Oánh Kha đã nêu gương rất tốt cho chúng ta. Còn như [các trường hợp] niệm Phật ba năm công phu thành tựu vãng sanh thì quá nhiều. Từ xưa tới nay, chúng ta thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép, tuyệt đại đa số là ba năm. Trong quá khứ, đã có người hỏi tôi: “Có phải là thọ mạng của họ chỉ còn ba năm, nên niệm Phật ba năm bèn vãng sanh?” Sau khi nghe xong, tôi nghĩ chẳng có khả năng ấy cho lắm! Há có chuyện trùng hợp khéo léo như vậy? Người thọ mạng chỉ còn ba năm có lẽ cũng có, nhưng tôi nghĩ tuyệt đại đa số chẳng phải là như vậy. Công phu của họ đã đạt, cũng giống như pháp sư Oánh Kha hãy còn có thọ mạng, nhưng chẳng cần, cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh. Phật tùy thuận tâm chúng sanh, cho chúng sanh mãn nguyện. Quý vị đã cầu, lẽ nào Ngài chẳng đáp ứng? Ra đi là như vậy đó. Chuyện này là thật, chẳng giả, chúng ta phải ghi nhớ kỹ càng. Vì sao quý vị niệm Phật chẳng có cảm ứng? Quý vị còn lưu luyến thế gian này. Chỉ cần có mảy may lưu luyến, Phật bèn chờ đợi quý vị, đợi đến ngày nào, quý vị thật sự nghĩ chẳng cần đến thế gian này nữa, buông xuống toàn bộ, Phật liền đến tiếp dẫn quý vị. Chân tướng sự thật là như thế, nhất định phải có trí huệ, thế gian này là giả, chẳng thật!

“*Trí Nhị Không*”: Tướng là Không, Tánh cũng là Không. Vì thế, Tướng được gọi là Huyền Hữu, Tánh được gọi là Chân Không, đều chớ nên chấp trước. Không chỉ đừng nên chấp trước, mà khởi tâm động niệm đều sai, phải nên dùng thái độ gì? Không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Đối với hết thảy các pháp, pháp thế gian là như thế, mà đối với pháp xuất thế gian cũng là như thế, tâm quý vị mới sạch lậu, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” chính là chân tâm đều hiện tiền. Thanh tịnh, bình đẳng, giác hiện tiền, A Di Đà Phật liền hiện tiền. Trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu minh bạch: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là A Di Đà Phật; lẽ nào tự tánh Di Đà và Tây Phương Cực Lạc thế giới Di Đà chẳng tương ứng? Vì lẽ đó, ở đây, sách Chân Giải nói rất hay, chúng ta phải ghi nhớ, [hãy hành] giống như Bồ Tát: Tuy hết thảy tam giới hư vọng, nhưng vẫn đi trong thế gian, chẳng bỏ. Tuy chẳng bỏ, nhưng chẳng chấp trước mảy may; khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng có. “*Chẳng bỏ*” thì là có hay không có? Chẳng bỏ, nhưng chẳng có khởi tâm động niệm, đó là đại từ đại bi trong tự tánh tự nhiên lưu lộ, chẳng có chút gì dính lú đến khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đoạn này giảng về chân tướng của việc Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, [cũng như] Thật Đức, tức đức hạnh chân thật của các Ngài.

Trong đoạn tiếp theo, chúng ta lại xem sự ứng hóa của các Ngài. Người hiện thời nói là “*tâm thái*”. Tâm thái như thế nào? Dùng phương thức gì để ứng hóa? Đều là tùy thuận phàm tình của chúng ta để nói. Vì sao? Nếu tùy thuận Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ

chẳng thể mở miệng được! “*Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bật*” mà! Đây là đức Thế Tôn phương tiện thiện xảo, vì chúng ta nói ra sự ứng hóa của Phật, Bồ Tát trên thế gian. Quý vị xem nhé: “*Tâm thường để trụ độ thể chi đạo. Để giả, an dã. Độ giả, xuất dã. Có bốn cú chi đại nghĩa vì tâm thường an trụ u xuất thể vô vi chi đạo*” (Tâm thường trụ chắc nơi đạo xuất thể. Để (諦) là an. Độ (度) là thoát ra. Vì thế, ý nghĩa chánh yếu của câu này là “tâm thường an trụ nơi đạo vô vi xuất thể”). Ý nghĩa này được giảng rất hay, cũng đúng như kinh Kim Cang đã nói: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), có ý nghĩa ấy. “*Tịnh Ảnh Sớ vân: Để vị an để*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Để nghĩa là ở yên chắc chắn”), cũng có nghĩa là An. “*Vị thường an trụ chân thật vô vi độ thể chi đạo*” (ý nói thường an trụ nơi đạo chân thật vô vi độ thể). “*Chân Giải viết: Xuất hữu vi, chứng vô vi, nhi bất trước vô vi, cố vân để trụ*” (Sách Chân Giải giảng: - Thoát khỏi hữu vi, chứng vô vi, nhưng chẳng chấp vào vô vi, nên nói là “để trụ”), có ý nghĩa này. Câu kế tiếp là: “*Thử Bồ Tát tâm thường trụ vô trụ xứ Niết Bàn, vân tâm thường trụ*” (Tâm của các vị Bồ Tát ấy thường trụ trong Vô Trụ Xứ Niết Bàn, nên nói là “tâm thường trụ”). Chúng đắc Đại Bát Niết Bàn, nhưng các Ngài chẳng trụ trong Niết Bàn, chúng ta cũng nói là “*vô trụ Niết Bàn*”. Ở đây, Sư còn thêm chữ “*xứ*” (處), tức Vô Trụ Xứ, chúng ta thường tỉnh lược chữ Xứ này, nên nói là Vô Trụ Niết Bàn. Chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn. Nói rõ các vị Bồ Tát ấy khác A La Hán và Bích Chi Phật. A La Hán và Bích Chi Phật trụ Niết Bàn, chẳng trụ sanh tử. Sanh tử là lục đạo, các vị ấy chẳng trụ trong lục đạo, nhưng trụ trong Niết Bàn. Các vị Bồ Tát ấy đã chứng Niết Bàn, nhưng chẳng trụ Niết Bàn, thời thời khắc khắc vào trong lục đạo, ở lẫn lộn với chúng sanh trong lục đạo, hòa quang đồng trần. Ở lẫn lộn với chúng sanh, biểu hiện chẳng khác chúng sanh cho mấy, không ai có thể nhận ra Ngài là Phật, hay Bồ Tát thật sự.

Ở đây, có một câu phải nói rõ cùng quý vị. Mọi người phải nhớ: Những vị Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian, nếu thân phận bị bộc lộ Ngài là vị Bồ Tát nào đó thị hiện, giống như Di Lặc Bồ Tát, tôi lấy Ngài làm thí dụ. Bồ Đại hòa thượng đời Tống, Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài xuất hiện vào thời Tống Cao Tông, họ ngoài đời là gì, sống ở đâu, quê quán là đâu, không ai biết. Vì người thuở ấy cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Vị xuất gia ấy rất tùy tiện, cũng chẳng chú trọng dáng vẻ, rất nhếch nhác, điên điên khùng khùng, là một người như vậy đó, nên cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Hằng ngày, Ngài xách một cái túi vải to ra ngoài hóa duyên, bắt luận người ta cho thứ gì đều bỏ vào túi, vác lên vai, bỏ đi. Đã có người hướng về Ngài thỉnh giáo Phật pháp: “Phật pháp là gì?” Ngài bỏ túi xuống bên cạnh, buông thõng hai tay. Mọi người thấy vậy bèn hiểu là “buông xuống”. Phật pháp là gì? Buông xuống! Người ta thấy được điều ấy, hiểu ý Ngài. “Sau khi đã buông xuống, nên làm như thế nào?” Ngài quảy túi lên, bỏ đi, chẳng đoái hoài [người hỏi nữa], biểu thị ý nghĩa gì? Sau khi buông xuống, phải nâng lên được. Buông xuống được, nâng lên được! “Buông xuống” là buông phiền não sanh tử xuống, “nâng lên” là gì? Phổ độ chúng sanh. Thấy các chúng

sanh sanh tử luân hồi trong lục đạo, nhất định phải có lòng thương xót, tâm từ bi, niệm niệm giúp đỡ họ. Chúng sanh căn cơ chín muồi thì phải thành tựu họ. Họ đã đạt đến một mức độ nhất định, phải giúp họ giác ngộ, giúp họ minh tâm kiến tánh. Người đã có thiện căn, nhưng còn chưa đạt đến mức độ ấy, phải giúp người ấy tăng trưởng. Kẻ chưa phát tâm, phải giúp cho kẻ ấy phát tâm. Bất luận đối với ai, Bồ Tát vừa trông thấy liền biết căn khí của họ, tận tâm tận lực chiếu cố. Lúc vãng sanh, Bồ Đại hòa thượng nói với mọi người, công khai nói Ngài là Di Lạc Bồ Tát hóa thân. Nói xong bèn tịch, đó là thật. Nếu Ngài nói xong, vẫn chẳng tịch, thì đó là gạt người, giả trá! Vì vậy, trong xã hội hiện thời, có rất nhiều người nói: “Kẻ nào đó là Bồ Tát hay Phật nào đó tái lai”, nói xong, kẻ ấy vẫn chẳng tịch. Đó là bịa chuyện đồn thổi!

Như Bồ Đại hòa thượng là tự mình nói ra, còn có những vị bị người khác nói ra thân phận. Thiên Thai Sơn Chí có ghi chép Hàn Sơn, Thập Đắc, hòa thượng Phong Can, ba vị này là Văn Thù, Phổ Hiền, và A Di Đà Phật; ngài Phong Can là A Di Đà Phật tái lai. Ba vị này chẳng tự mình nói ra, mà do người khác nói. Sau khi nói ra, mọi người biết đến, ba vị ấy đều đi mất. Đó là thật, trong lịch sử tại Trung Quốc, những trường hợp như vậy rất nhiều. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là A Di Đà Phật tái lai. Sau này, nếu chúng ta gặp những kẻ nói như vậy, nếu kẻ ấy nói xong vẫn chẳng tịch, hãy khéo khuyên cáo kẻ ấy: “Người là giả, chẳng thật. Nếu là thật, người phải tịch, vì sao vẫn chẳng tịch? Chứng tỏ người giả trá, sau này đừng nói nữa. Hễ còn nói sẽ là gì? Là đại vọng ngữ! Người chưa chứng đắc, nhưng tự nói chính mình chứng đắc. Ngay cả trong trường hợp đã đắc Thiên Định, khai trí huệ, đều chớ nên nói. Người chẳng đắc Thiên Định mà nói chính mình đã đắc Thiên Định, chẳng khai trí huệ mà nói chính mình đã khai trí huệ. Người nói những lời lẽ đó nhằm mục đích nào? Toàn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng, gạt gẫm chúng sanh! Trong giới luật của Phật pháp, đó là đại vọng ngữ. Kẻ đại vọng ngữ đều đọa địa ngục. Trước mắt, người có thể đạt được một chút lợi ích, lợi ích nhỏ nhặt, nhưng lừa gạt kẻ khác, sau khi chết, sẽ đọa địa ngục, muốn thoát ra rất phiền! Huống hồ khi đã thoát ra, đã chịu hết tội trong địa ngục, sẽ biến thành súc sanh để trả nợ. Người đã lừa gạt những người đó nên đều phải đền nợ!” Do đó, người hiểu sâu nhân quả, chẳng dám làm chuyện phi pháp. Không chỉ chẳng dám làm, mà nghĩ cũng chẳng dám nghĩ! Vì vậy, đối với đạo hạnh và tu dưỡng của một cá nhân, nhân quả có sức mạnh vượt xa luân lý, đạo đức. Người tu dưỡng đạo đức khá, nhưng gặp phải những thứ gọi là “danh cao, lợi trọng”, vẫn chẳng thể chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc, vẫn có thể phạm lỗi! Chỉ có người tin sâu nhân quả, tuy thấy những thứ đó, tâm vừa động, nhưng nghĩ đến quả báo trong tương lai sẽ là như thế nào, bèn chẳng dám làm!

Trung Quốc từ xưa tới nay, xã hội ổn định vững bền mấy ngàn năm dựa vào gì? Điều chủ yếu nhất là dựa vào giáo dục nhân quả; ba nhà Nho, Thích, Đạo đều có giáo dục nhân quả. Trong xã hội, giảng nhân quả nhiều nhất, nói thật ra, Đạo gia còn giảng nhiều hơn Phật. Nhà Phật cũng giảng không ít, nhưng thường là khi giảng kinh chẳng chuyên nói về nhân quả, chỉ nói kèm theo. Do đó, giáo dục nhân quả phổ cập thì Đạo

gia xếp hàng đầu. Quý vị thấy Đạo gia có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, và Tâm Kinh của Lữ Tổ¹, những thứ ấy đều là của Đạo gia, lưu thông phổ biến trong xã hội. Tốt lắm! Chư vị đã đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc trao cho tiên sinh Liễu Phàm sách Công Quả Cách², đó là [tác phẩm được biên soạn dựa theo những giáo huấn trong] Cảm Ứng Thiên. Vì thế, tam giáo, tức tam giáo Nho, Thích, Đạo tại Trung Quốc, suốt mấy ngàn năm đã giúp đỡ quốc gia, giúp đỡ xã hội, xác thực là làm rất nhiều chuyện tốt đẹp, giúp cho xã hội an định và hòa hài. Nay chúng ta nếu muốn thành tựu đạo nghiệp của chính mình, ba căn bản ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Chúng ta phải nghĩ, phải nhớ Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả. Trong những kinh luận và thiện thư do Hoàng Hóa Xã³ lưu thông, số lượng lớn nhất là Liễu Phàm Tứ

¹ Đây là một bài kinh giảng về cái Tâm được coi là do Lữ Thuần Dương (Lữ Động Tân) giảng cơ trong đàn cầu tiên của Đạo gia, không phải là tác phẩm chú giải Tâm Kinh (mạo danh Lữ Tổ) với nội dung xuyên tạc Tâm Kinh đề đề cao phép luyện đan của bọn đạo sĩ. Bài Tâm Kinh này khá ngắn, xin trích một đoạn như sau: “*Thiên sanh vạn vật, duy nhân tối linh. Phỉ nhân năng linh, thật tâm thị linh. Tâm vi chủ tể, nhất thân chi quân, dịch sử bách hài khu xứ, quần tình; vật vô kỳ vật, hình vô kỳ hình, bảm thụ u thiên, lương tri, lương năng, khí câu dục tể, nhật thất kỳ chân. Thử tâm tức thất, thử thân diệc khuynh. Dục thiện kỳ thân, tiên trị kỳ tâm. Trị tâm như hà, tức tâm trị tâm. Dĩ lão lão tâm, trị bất hiếu tâm. Dĩ trưởng trưởng tâm, trị bất để tâm. Dĩ ủy trị tâm, trị bất trung tâm. Dĩ thành khác tâm, trị bất tín tâm. Dĩ cung kính tâm, trị vô lý tâm...*” (trời sanh vạn vật, chỉ có con người là linh thông nhất. Chẳng phải là con người có thể linh thông, mà thật sự là do cái tâm linh thông. Tâm làm chúa tể, là vua của thân, sai khiến cái thân gồm hình hài xác thịt và các môi tình cảm. Tâm dường như là vật, nhưng chẳng phải là vật, tâm dường như có hình dáng, nhưng chẳng có hình dáng, được bảm thụ từ trời, nên có lương tri và lương năng. Do bị dục vọng huân tập, che lấp, nên dần dần đánh mất tánh thiên chân. Cái tâm này đã mất, cái thân cũng lệch lạc theo. Muốn cho cái thân tốt lành, trước hết phải trị cái tâm. Trị tâm như thế nào? Hãy dùng tâm để trị tâm. Dùng cái tâm tôn kính người già của kẻ khác như người già của chính mình để trị cái tâm bất hiếu. Dùng cái tâm coi người bề trên của kẻ khác như bề trên của chính mình để trị cái tâm chẳng cung kính tôn trưởng. Dùng cái tâm tận tụy để trị cái tâm bất trung. Dùng cái tâm thành khẩn để trị cái tâm bất tín. Dùng cái tâm cung kính để trị cái tâm vô lý...)

² Công Quả Cách do đạo sĩ Tịnh Minh Đạo biên soạn vào đời Tống, với nội dung phân loại những điều ác và điều thiện để tự xét nhằm chấm điểm hành vi của chính mình hằng ngày. Nội dung các hạng mục dựa theo quan điểm tích thiện của Đạo giáo, luân lý Nho gia, cũng như thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo, nhưng các hạng mục chủ yếu đều lấy những điều đã được nêu trong Âm Chất Văn làm chuẩn.

³ Hoàng Hóa Xã là một cơ sở lưu thông kinh sách Phật giáo. Thuở đầu, vào năm 1930, do Ấn Quang đại sư đề xướng, Giác Viên Tịnh Nghiệp Xã được thành lập tại Thượng Hải, pháp sư Minh Đạo thuộc chùa Thái Bình chịu trách nhiệm điều hành. Trước tiên, Tịnh Nghiệp Xã chỉ lưu thông những kinh sách do các nơi đã in. Sau đó, dưới sự giúp sức của các cư sĩ Hoàng Hàm Chi, Vương Nhất Đình, Quan Quýnh Chi v.v..., một tiểu tổ của Tịnh Nghiệp Xã đặc trách ấn hành kinh sách mang tên là Hoàng Hóa Xã được thành lập để tự ấn loát kinh sách. Tổ Ấn Quang chịu trách nhiệm giáo duyệt, tu đính, trình bày, pháp sư Minh Đạo và các vị cư sĩ nói trên chịu trách nhiệm quyên góp, liên lạc với xưởng in, ấn định giá thành, phân phối sách... Về sau, mọi người chỉ biết đến Hoàng Hóa Xã, không còn danh xưng Tịnh Nghiệp Xã nữa. Năm 1931, Hoàng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc ở Tô Châu là nơi Ấn Quang đại sư bế quan.

Huân, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, và An Sĩ Toàn Thư. Thửờ Ân Quang đại sư sinh tiền, trong hoàn cảnh thửờ ấy, kỹ thuật ấn loát chưa phát triển cho lắm, mà Ngài có thể in ba loại sách ấy nhiều hơn một trăm vạn bản, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Vì sao Ngài phải làm như vậy? Nay chúng ta hiểu rõ, nhìn vào xã hội động loạn, thấy tai ương trên địa cầu nhiều ngàn ấy, chúng ta mới nhớ tới Ân Quang đại sư suốt đời cực lực tuyên dương giáo dục nhân quả, chúng ta mới hiểu rõ đạo lý ấy! Nay chúng ta muốn cứu chính mình, trong đại kiếp nạn như thế, tránh né bằng cách nào? Tin sâu nhân quả, quý vị có thể tránh khỏi tai nạn này. Tin sâu nhân quả, chẳng có mảy may hoài nghi, điều này rất trọng yếu!

Học theo Bồ Tát chứng vô vi, nhưng chẳng chấp trước vô vi. Nay chúng ta ngay cả chứng còn chưa chứng; chúng ta biết có pháp vô vi, cũng đừng nên chấp trước pháp vô vi. [Hễ chấp là] trật rồi, biến thành Tiểu Thừa. Nhất định phải học theo các vị Bồ Tát, tâm thường an trụ vững vàng nơi đạo độ thế, niệm niệm mong mỗi chánh pháp tồn tại lâu dài. Bắt đầu làm từ chỗ nào? Bắt đầu thực hiện từ chính mình, ắt phải y giáo phụng hành, chánh pháp mới có thể tồn tại lâu dài. Giúp xã hội hóa giải xung đột, giúp xã hội khôi phục hòa hài, đều phải làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, đó là đúng. Chính mình làm tốt, chắc chắn sẽ có thể ảnh hưởng những người chung quanh quý vị. Niệm niệm suy nghĩ vì chúng sanh khổ nạn, chính mình phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Chính mình chẳng nêu gương tốt, quý vị chẳng thể khuyến hóa chúng sanh. Người hiện thời nhất định phải nhìn thấy tám gương tiêu biểu, quý vị tu tập rất khá, quý vị thực hiện rất tốt, người khác sẽ tôn kính quý vị, học tập theo. Quý vị nói được, nhưng làm chẳng ra gì, chẳng có ai tin tưởng, quý vị chẳng thể giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Nếu con người mang ý niệm vì chính mình thì tu hết thấy thiện pháp, quả báo đều là si phước trong lục đạo, chẳng phải là công đức, chẳng có mảy may dính líu đến chuyện liễu sanh tử, thoát tam giới của chính mình! Niệm niệm chẳng vì chính mình, niệm niệm vì chúng sanh khổ nạn, niệm niệm mong cứu vớt địa cầu, đó là

Năm 1935, pháp sư Minh Đạo qua đời, không có người giao phó, tổ Ân Quang phải đích thân trông nom Hoàng Hóa Xã mãi cho đến khi Tô viên tịch. Sau khi Tô vãng sanh vào năm 1940, Hoàng Hóa Xã lại chuyển từ Tô Châu về chùa Giác Viên ở Thượng Hải (trong giai đoạn này, Hoàng Hóa Xã do pháp sư Đức Sâm đảm nhiệm. Sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, pháp sư Diệu Chân tiếp tục chủ trì, nhưng chỉ được phép hoạt động cầm chừng). Trong giai đoạn đầu sau khi tổ Ân Quang mất, Hoàng Hóa Xã đốc sức tái bản các bộ Ân Quang Pháp Sư Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Gia Ngôn Lục, Tinh Hoa, và xuất bản tờ Hoàng Hóa Nguyệt San (tờ báo này thoạt đầu do ông Chung Cát Ninh chủ biên, về sau do Du Hữu Duy chủ trì và Vương Vĩnh Nguyên làm tổng biên tập) cho đến khi Mao Trạch Đông chiếm lãnh toàn bộ Hoa Lục, các hoạt động ấn loát và lưu thông kinh sách Phật giáo của các chùa bị cấm ngặt, nội dung báo chí Phật giáo hoàn toàn bị cán bộ văn hóa chỉ đạo. Năm 1956, Hoàng Hóa Xã được lệnh kết hợp với Thượng Hải Phật Học Thư Cục và Đại Pháp Luân Thư Cục, đổi tên thành Thượng Hải Phật Giáo Thư Điểm (tiệm sách Phật giáo Thượng Hải, do nhà nước quản lý); Hoàng Hóa Xã biến mất. Mãi cho đến thập niên 1990, khi chùa Báo Quốc ở Tô Châu được chính quyền Hoa Lục cho mở cửa lại, tặng chúng bèn tái lập Hoàng Hóa Xã trong khuôn viên viện bảo tàng Phật Giáo Tô Châu.

công đức, toàn bộ hết thảy những việc thiện do quý vị đã làm đều là công đức. Chỉ cần có tự tư tự lợi, đặt danh lợi vào trong ấy, sẽ là chẳng đúng. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Câu cuối cùng: “*Hựu Hội Sớ viết: Bi trí tương án, dĩ vi thê thân chi trạch, cố vân để trụ*” (Sách Hội Sớ lại viết: “Bi trí in vào nhau để làm chỗ nương náu cho thân trí, nên gọi là Để Trụ”). Câu này có ý nghĩa: Tâm này trụ tại đâu? Trụ trong trí huệ, trụ trong đại từ đại bi. Bi là thương xót hết thảy chúng sanh khổ nạn, Từ là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Trong thế gian này, vào thời cổ, chúng ta nói là “xã hội”, người ta thường kính phục nhất hai loại người:

1) Một là người dạy học. Thời cổ, họ được gọi là “*phu tử*”. Quý vị làm nghề gì? Làm phu tử là dạy học, giúp người khác phá mê khai ngộ. Người dạy học rất vất vả, vì sao? Chính mình phải nêu gương cho người khác thấy. Nếu quý vị chẳng làm được những gì đã nói, ai nghe lời quý vị? Vì lẽ đó, luân lý, đạo đức, nhân quả họ đều làm được. Cuộc sống rất kham khổ, nhưng người trong xã hội rất tôn kính họ. Trước kia, dạy học là sự nghiệp thánh hiền. Gia cảnh học trò nghèo khó, chẳng cúng dường thầy, thầy có dạy hay không? Vẫn dạy y hệt. Quả thật, gia đình [học trò] rất thanh bần, có lúc thầy còn giúp đỡ trò. Chẳng nói “phải thu học phí”, há có lẽ ấy? [Nếu làm như vậy], đã biến thành hành vi buôn bán mất rồi! Vào thời cổ, tại Trung Quốc, thương nhân có địa vị thấp nhất. [Các giai cấp trong xã hội là] sĩ, nông, công, thương, người đọc sách có địa vị cao nhất, nhưng người đọc sách thường rất kham khổ, chẳng có thâm nhập. Thương nhân giàu có nhất, nhưng địa vị trong xã hội thấp nhất.

2) Một loại người khác là thầy thuốc. Thầy thuốc cứu người, học y để làm gì? Học y để cứu người. Vì thế, thầy giáo cứu huệ mạng của người khác, thầy thuốc cứu thân mạng.

Hai loại người này đều chẳng phải là thương nhân, đều chẳng đòi hỏi tiền bạc, mà là cứu người. Hiện thời, hai loại người này cũng biến thành hành vi buôn bán, cỗ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Người tu hành được người trong xã hội tôn kính vì sao? Đạo giáo cũng thế, mà Phật giáo cũng vậy, đều là giáo học, chư vị phải biết điều này! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, dạy học cả đời suốt bốn mươi chín năm. Ba mươi tuổi khai ngộ, vừa khai ngộ liền bắt đầu giáo học, suốt bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn ngày nào. Có thâm học phí hay không? Chẳng thâm! Cuộc sống trong Phật môn theo hình thức khát thực, chẳng nhận một đồng nào. Trong giới luật đã nói rất rõ ràng, chẳng có hành vi thương nghiệp, chẳng có ý niệm thương nghiệp. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Sau khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc do đế vương Trung Hoa thỉnh [tăng sĩ] từ Tây Vực, hoặc từ ngoại quốc đến. Sau khi đã thỉnh đến Trung Quốc, qua trao đổi, mới biết Phật pháp hoàn toàn tương ứng với truyền thống giáo dục Trung Quốc, chẳng

có may mắn, nên người Hoa bèn tiếp nhận, tiếp nhận trọn vẹn. Phật giáo truyền đến Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, tức là năm 67 Công Nguyên. Hiện thời là năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên, Phật giáo được chính thức mời đến Trung Quốc, hoàng đế phong hai vị pháp sư (Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng) làm quốc sư. Giáo dục nhà Phật do hoàng đế đích thân cai quản, còn giáo dục truyền thống do Tể Tướng cai quản. Dưới Tể Tướng có một bộ, nói theo kiểu hiện thời là bộ Giáo Dục, xưa kia gọi là bộ Lễ. Lễ Bộ Thượng Thư chuyên cai quản nền giáo dục quốc dân và giáo dục xã hội, cai quản chuyện này. Giáo dục nhà Phật do hoàng thượng quản trị, nên giáo dục nhà Phật được thúc đẩy với sức mạnh vượt trội giáo dục truyền thống của Trung Quốc, được triển khai rất nhanh trên cả nước, đẩy lên tác dụng rất lớn. Vì thế, điểm đặc biệt và đặc sắc trong văn hóa truyền thống Trung Quốc là ba nhà Nho, Thích, Đạo đã giúp nhau thành tựu, tạo thành văn hóa Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tỹ (A. Toynbee) của Anh đã nói rất hay. Ông ta tán thán cổ nhân Trung Hoa có tâm lượng rất lớn, chẳng ganh tỵ, chẳng bài xích, có thể bao dung văn hóa dị tộc, ý nói Phật giáo. Phật giáo từ Ấn Độ truyền tới, mà [dân Trung Hoa] có thể bao dung, Phật pháp lại phong phú hóa nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Chúng ta gọi điều này là “*tương phụ tương thành*” (giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu).

Đức Phật nói điều gì? Dùng một câu để trả lời. Kinh Bát Nhã đã nói: “*Chư pháp Thật Tướng*”, trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy Chân Thật Tế là Thật Tướng của các pháp. Nói rõ hơn một chút, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đó chẳng phải là mê tín, mà là triết học, là khoa học. Do đó, thuở sinh tiền, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã bảo: “*Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi vào Phật môn là như vậy. Học Phật năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, đúng một giáp tý⁴, phát hiện thầy Phương chỉ nói đến triết học, chưa nói đến khoa học. Trong kinh Hoa Nghiêm, trong các kinh luận Đại Thừa có khoa học, nói theo kiểu của thầy, lại còn là đỉnh cao nhất trong khoa học cả thế giới. Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Khoa học hiện thời phát triển theo hai cực đoan: Một là hướng theo vật lý không gian, tức thế giới vĩ mô; hai là theo hướng Lượng Tử Lực Học, tức là thế giới vi mô. Hai loại này trong kinh Hoa Nghiêm đều có cả, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, lại còn giảng hay hơn khoa học và triết học hiện thời. Khoa học và triết học hiện thời còn có những vấn đề gây tranh luận, cho đến hiện thời chưa thể giải quyết, nhưng trong kinh Phật [những vấn đề ấy] đều được giải quyết. Đại học vấn, đại đạo lý! Những thứ tốt đẹp như thế không có ai kế thừa, không có ai muốn học, quá đáng tiếc!

⁴ Do người Hán tính năm theo Thiên Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh...) và Địa Chi (Tý, Sửu, Dần, Mão...), nên mỗi năm có tên gọi lần lượt là Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần v.v... hợp thành sáu mươi danh xưng như thế. Cứ sau sáu mươi năm, tên gọi lại trở về danh xưng khởi điểm là Giáp Tý nên chu kỳ sáu mươi năm thường được gọi là “một giáp tý”.

Đã thế, Đại Thừa Phật pháp bị người ta chê bai là tôn giáo, chê bai là mê tín, khiến cho người bình phàm chẳng mong tiếp xúc, quá đáng tiếc nuối!

Vì lẽ đó, tôi cảm tạ thầy Phương, niệm niệm đều chẳng quên. Nếu tôi không gặp thầy, cũng sẽ có kiến giải giống như mọi người, nghĩ Phật giáo là mê tín, như vậy thì sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiếp xúc. Sau khi tiếp xúc, Phật giáo đã cứu tôi, khiến cho tôi sống trong xã hội như vậy mà rất hạnh phúc, rất tự tại, chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, Đại Thừa Phật pháp đã ban cho tôi những điều ấy. Dần dần hiểu biết những sự lý, tánh tướng, nhân quả trong vũ trụ, biết chúng là chuyện như thế nào. Hy vọng người thiện căn sâu dày, các đồng học trẻ tuổi hãy nghiêm túc học tập. Đầu tiên, quý vị phải nhận biết bản chất Phật giáo. Sau khi đã nhận biết, quý vị mới ưa thích, quý vị mới có thể dùi mài chẳng bỏ, sẽ có thể đạt thành tựu trong một đời này, xác thực đem lại cho quý vị hạnh phúc mỹ mãn. Đã thế, tương lai sẽ càng mỹ mãn hơn, hạnh phúc hơn, đạt đến rốt ráo. Kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, có thể khiến cho chúng ta chứng đắc cảnh giới giống như Phật, Bồ Tát ngay trong một đời.

Câu kệ tiếp: “*Ư nhất thiết vạn vật, tùy ý tự tại*” (tùy ý tự tại trong hết thảy vạn vật). Quý vị đọc kinh văn này, càng đọc, càng thù thắng. Câu này chính là niềm kỳ vọng của bao nhiêu nhà triết học, khoa học, thần học, hy vọng có thể có ngày này! Thật sự có thể đạt được trong Phật pháp Đại Thừa, chẳng phải là nói giả dối, thật sự có thể đạt được tự tại tùy ý. Chữ “*vạn vật*” (萬物) chỉ hết thảy các pháp, chỉ vạn pháp. “*Vạn*” ở đây chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị ý nghĩa cực nhiều, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; vạn sự vạn vật trong vũ trụ. “*Tự tại giả, thông đạt vô ngại dã*” (tự tại là thông đạt vô ngại). Quý vị hoàn toàn liễu giải, chẳng có chướng ngại, tự tại lắm. Lấy chuyện trước mắt để xem, vì sao ta sống trong thời đại này? Vì sao sống cuộc đời như hiện thời? Ta biết, hiểu rõ ràng, rành mạch, vì sao quý vị chẳng thể tự tại? Vì sao quý vị khổ như vậy? Vì quý vị chẳng biết, chẳng liễu giải. Do chẳng liễu giải, nên hằng ngày suy nghĩ loạn xạ, đau khổ lắm! Trong ấy là nhân quả, nếu quý vị biết tiền nhân, hậu quả, trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều rất sung sướng. Vì sao? Tự làm, tự chịu, chẳng thể oán trời, chẳng thể trách người. Vì sao? Chẳng liên quan gì đến những điều ấy! Vì thế, quý vị bèn giải thoát. Hiện thời, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, hiểu rõ rệt các tai nạn ấy do đâu mà có, hoàn toàn liễu giải cách hóa giải các tai nạn ấy như thế nào, lẽ nào quý vị chẳng được tự tại! Các vị Bồ Tát dự hội đều có năng lực ấy. Do có năng lực ấy, nên mới có thể giúp đỡ người khác.

Trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa có hai câu như sau: “*Tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại*” (hết sạch những thứ phiền não trong ba cõi, tâm được tự tại), hai câu này nói hay quá! “*Chư hữu*”, “*hữu*” (有) gì vậy? Hữu kết, kết là gì? Kết (結) là phiền não. Giống như tôi nhớ trước kia có bộ phim, tôi chưa xem phim ấy, chỉ là trên đường đi thấy biển quảng cáo “*tâm hữu thiên thiên kết*” (tâm vẫn vương ngàn mối), rất đáng thương, rất đáng buồn! Hữu là gì vậy? Hữu là nói tới tam hữu, tức Dục Giới Hữu, quý vị có phiền

não và quả báo trong Dục Giới, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu. Hữu là có nhân, có quả. “*Tận chư hữu kết*” là quý vị buông hết những phiền não ấy xuống, chẳng còn nữa. Trong tam giới thì Dục Giới ba thứ phiền não đều có, Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não và Kiến Tư phiền não toàn bộ đều có. Quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não; nói thật ra, các món Hữu Kết ấy, nói nông cạn là Kiến Tư phiền não, thuộc trong tam giới. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, tâm đắc tự tại. Tự tại là gì? Vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi giống như một cái lồng to, kinh Phật sánh ví nó như lao ngục. Tam giới là lao ngục, quý vị chẳng thoát khỏi nhà tù ấy. Đoạn sạch các Kết trong Tam Hữu, tức là đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị bèn vượt thoát. Sau khi vượt thoát, hãy còn bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới rất khó vượt thoát. So với người trong lục đạo như chúng ta thì người ở trong ấy (trong bốn thánh pháp giới) là đắc đại tự tại, nhưng nếu so với Phật, Bồ Tát, họ thua kém rất xa. Vì không gian hoạt động của họ chỉ có thể là trong tam thiên đại thiên thế giới, chưa thể vượt thoát. Vì thế, họ phải đoạn hết Trần Sa phiền não, đoạn hết Vô Minh phiền não, sẽ đắc đại tự tại. Các vị Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt thoát mười pháp giới. Tuy vượt thoát mười pháp giới, nhưng chẳng lìa mười pháp giới, khéo là khéo ở chỗ này. Vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng cũng chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị phải biết: Các Ngài ở trong lục đạo, nhưng chẳng tạo nhân lục đạo, cũng không thọ báo lục đạo. Tâm các Ngài trụ nơi đâu? Trong phần trước đã nói, tâm các Ngài thường trụ trong đạo độ thể, trụ trong đại trí huệ, trụ trong từ bi, chúng ta nói là “một bầu từ bi”. Từ bi do đâu mà có? Do trí huệ mà có. Chẳng có trí huệ, lấy đâu ra từ bi?

Tiếp theo đó, sách giải thích chữ Tự Tại: “*Hữu, tự tại giả, thi vi vô ứng, thần thông tự tại. Phù tâm hữu câu luy, tùy vật nhi chuyển. Cố vị phiền não sở phục*” (tự tại còn là việc làm không bị úng tắc, thần thông tự tại. Hễ tâm có vướng mắc thì bị vật chuyển, nên bị phiền não trói buộc). Giải thích chữ “*tự tại*”, những điều này đều được nói trong kinh Đại Thừa. “*Thi vi*” (施為) là tạo tác. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng có chướng ngại. Vì sao chẳng có chướng ngại? Hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thấy các pháp. Đối với hết thấy các pháp trong vũ trụ, hỏi quý vị Thái Dương Hệ do đâu mà có? Hệ Ngân Hà do đâu mà có? Hết thấy các cõi Phật do đâu mà có? Chẳng có gì quý vị không biết, lại còn biết chánh xác, thật sự biết, tuyệt đối chẳng phải là hư vọng. Đối với Thế của hết thấy các pháp, Thế là Tánh. Những hình tượng được hiện của hết thấy các pháp, [được gọi chung là] “pháp tướng”. Rốt cuộc, Tánh và Tướng là đạo lý như thế nào? Đối với Lý, vì sao có Sự, tức là các hiện tượng xuất hiện nhiều ngàn ấy? Quý vị đều hiểu. Trong ấy, có thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác quả. Không chỉ hoàn toàn hiểu rõ tam thiên đại thiên thế giới của Phật Thích Ca, mà các cõi Phật trong mười phương, chẳng có cõi nào quý vị chẳng hiểu rõ. Sau khi đã hiểu, quý vị muốn tới đâu bèn tới đó, thuận theo ý niệm của quý vị xoay chuyển. Trong cảnh giới ấy, chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, bèn chẳng có trước, sau. Chẳng có không gian, bèn chẳng có khoảng cách. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Thế giới Cực Lạc

ở ngay trong hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả! Công đức viên mãn trong tự tánh mà! Mười phương ba đời chẳng lia gang tấc, “gang tấc” là nhất niệm, chẳng lia gang tấc! Đó là tột đỉnh của khoa học lẫn triết học, là đỉnh cao nhất như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói. “*Thần thông tự tại, thông đạt vô ngại*”, tám chữ trong hai câu này là nói về các vị Bồ Tát ấy. Phàm phu thì sao? “*Tâm hữu câu lự*”, [nghĩa là] trong tâm quý vị có những thứ câu thúc, ràng buộc, vướng bận. Chúng tôi nói là trong tâm quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, phiền não. “*Tùy vật nhi chuyển*” [nghĩa là] bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, nên quý vị khổ khôn kể xiết! Vì sao? Cảnh giới bên ngoài là “giả tượng” (những hiện tượng hư giả), có sao quý vị coi chúng là thật? Quý vị biết chúng là những hiện tượng hư giả, nên có thể thương thức nó, nhưng chẳng có ý niệm chiếm hữu, hay không chế, liền tự tại. Nếu quý vị muốn không chế, muốn chiếm hữu nó, quý vị phải chịu tội. Tội ấy là gì? Chính quý vị tự chuốc lấy, tự làm, tự chịu. Về căn bản, nó chẳng có, nên chịu tội là oan uổng chịu! Vì lẽ đó, quý vị bị phiền não trói buộc, phiền não giống như sợi dây thừng trói chặt quý vị!

“*Phàm phu trước Hữu*” (phàm phu chấp Có), lục đạo phàm phu chấp vào bên Có, người Nhị Thừa thì sao? Đức Phật dạy họ “*vạn pháp đều là Không*”, Không ư? Được rồi, họ chấp vào Không, “*giai đọa tình chấp trung*” (đều đọa trong tình chấp). Chấp Có là tình chấp, mà chấp Không vẫn là tình chấp. Vì lẽ đó, Nhị Thừa chẳng thoát khỏi mười pháp giới, vì họ chấp trước Không. Người nào thoát khỏi mười pháp giới? Hai bên Có và Không đều chẳng chấp, ngay cả “chẳng chấp” cũng không có, mới thật sự thoát ra ngoài. Hễ còn “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, quý vị đã chấp vào “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, vẫn chẳng thể thoát ra được! Tâm người ấy vẫn chưa thanh tịnh. Phải biết rằng: Trong chân tâm, thứ gì cũng đều chẳng có! Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói chuyện này quá nhiều, phải thường xuyên nhắc nhở mọi người: Trong chân tâm, chân tâm chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, quyết định chẳng có mười pháp giới, huống gì lục đạo. Mười pháp giới, lục đạo là huyền tướng, nên trong kinh có tỷ dụ “*mộng, huyễn, bọt, bóng*”, chúng chẳng phải là thật. Vì sao không buông xuống được? Quý vị chẳng biết chúng là giả, cứ ngỡ chúng là thật, nên quý vị chấp trước, chịu khổ. Chịu khổ, chấp trước đúng là oan uổng! Quý vị muốn chiếm hữu, nói thật ra, ngay cả thân thể này cũng chẳng thể chiếm hữu! Quý vị có thể chiếm hữu cái gì? Nếu thật sự liễu giải chân tướng sự thật, giống như các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời đã nói, vật chất là gì? Họ đã phát hiện bản chất vật chất vốn là do ý niệm tích lũy liên tục, sanh ra huyền tướng. Nói cách khác, họ cảm nhận: Về căn bản, chẳng có vật chất tồn tại. Phát hiện ấy và cách nói ấy hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Kinh Hoa Nghiêm nói A Lại Da có ba phần là Tự Chứng Phần, Kiến Phần, và Tướng Phần⁵. Tướng Phần là vật chất. Do đâu mà có Tướng Phần? Do Kiến

⁵ Tướng Phần (còn gọi là Thủ Tướng Phần), chính là đối tượng của nhận thức (khách thể), tức là cái sẽ được nhận thức bởi tâm thức, tức là vật chất, sắc tướng.

Phân biến hiện. Vì thế, nhà Phật thường dùng năm chữ để làm đại biểu, [tức là] Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, gọi chung là Ngũ Uẩn, nói thật hay! Ngũ Uẩn là vạn sự vạn pháp mà chúng ta tiếp xúc, Ngài đã nói ra chân tướng. Sắc trong Ngũ Uẩn là hiện tượng vật chất; Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ý niệm. Thọ là cảm nhận, Tưởng là tư tưởng, Hành là hiện tượng tích lũy liên tục như các nhà khoa học đã nói, Thức là kho tài liệu (database) tồn trữ những ý niệm ấy, giống như các linh kiện điện tử (chips) trong computer, toàn là giả, chẳng có thứ gì là thật. Tâm Kinh đã nói rất hay: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị*”. Quý vị đối với mười pháp giới trong vũ trụ này, còn có gì để lưu luyến? Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, tự nhiên sẽ triệt để buông xuống.

Triệt để buông xuống có lợi ích gì? Chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vương mắc. Lại nói cho quý vị biết: Thân thể quý vị sẽ không suy, không già, quý vị đạt được thân Kim Cang bất hoại, sẽ chẳng còn ngã bệnh nữa. Bệnh do đâu mà có? Nguyên nhân gây bệnh là tham, sân, si, mạn, nghi, [chúng được gọi chung là] Ngũ Độc. Đó là nguyên nhân gây bệnh. Duyên gây bệnh có nội và ngoại. Bên trong là oán, hận, náo, nộ, phiền, đó là nội duyên. Duyên bên ngoài là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Ba thứ ấy kết hợp lại, bệnh nặng liền phát tác, đòi mạng quý vị! Không thoát khỏi những thứ ấy, quý vị vĩnh viễn phải luân hồi trong lục đạo, đúng là đáng thương. Vì sao? Toàn là giả! Nếu chúng là thật, Phật, Bồ Tát chẳng thể nói quý vị là “kẻ đáng thương xót”, nói những lời ấy sẽ thành quá lỗi, biến thành mĩa mai, Phật làm sao có thể nói như vậy được? Chúng là giả, toàn là giả, giống như gặp ác mộng. Mỗi ngày gặp ác mộng, kinh hoảng mướt mồ hôi lạnh, chẳng có bệnh mà bị dọa sợ cũng đổ bệnh! Vì thế, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, thân tâm sẽ chẳng có bệnh tật, chính mình vui sướng lắm! Quý vị ở nơi đâu, núi, sông, đại địa đều chẳng có tai nạn. Phong tai, thủy tai, hỏa tai gì gì đi nữa, những thứ ấy đều chẳng có, ngay cả khí hậu biến đổi đột ngột cũng chẳng có, mà cũng đều chẳng thể! Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm thái của quý vị bình thường, núi, sông, đại địa, cảnh giới bên ngoài cũng đều bình thường. Tâm chẳng bình thường, nó cũng chẳng bình thường, bên ngoài đều chẳng bình thường, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, để biến đổi những tai biến dị thường trên địa cầu thì phải biến đổi từ tâm chúng ta. Tâm chúng ta cảm ứng cảnh giới bên ngoài. Tâm đã sửa đổi thì tai nạn bên ngoài cũng chẳng có! Đó là đạo lý to lớn! Những vấn đề khoa học chẳng thể

Kiến Phần (còn gọi là Năng Thủ Phần), chủ thể của sự nhận thức. Hiểu thô thiển thì khi mắt ta nhìn bông hoa, bông hoa là Tướng Phần, mắt tiếp nhận hình ảnh bông hoa thì sự tiếp nhận đó là Kiến Phần.

Tự Chứng Phần còn gọi là Tự Thể Phần, là tác dụng nhận biết của tâm thức khi Kiến Phần duyên với Tướng Phần. Như trong thí dụ trên, khi mắt nhìn thấy bông hoa, tiếp nhận hình ảnh bông hoa, Duy Thức gọi chuyện đó là “Kiến Phần duyên Tướng Phần”, tâm thức khởi tác dụng nhận biết hoa có màu gì, thơm hay không, tên hoa là gì, hoa có mấy cánh, hoa còn tươi hay đã héo, ưa thích hay chán ghét bông hoa ấy v.v... Những tác dụng tâm lý ấy thuộc về Tự Chứng Phần.

giải quyết thì đã hoàn toàn được giải quyết trong Phật pháp. Đây là nói về Nhị Thừa, phàm phu chấp Có, Nhị Thừa vương mắc nơi Không, đều đọa trong tình chấp. “*Hàm thị tâm tùy vật chuyển, cố u vạn vật bất đắc tự tại*” (đều là tâm chuyển theo vật, nên chẳng đạt được tự tại trong vạn vật), vì sao? Tâm quý vị bị cảnh chuyển! Hễ đắc đại tự tại thì vật chuyển theo tâm. Gạt bỏ được chuyện “tâm chuyển theo vật”, vật sẽ chuyển biến theo tâm, vấn đề liền được giải quyết.

“*Đại sĩ thâm đạt Pháp Tánh*” (đại sĩ thông đạt Pháp Tánh sâu xa), những vị này được gọi là “đại sĩ”, đều có thể gọi là bậc minh tâm kiến tánh, hoặc chúng ta có thể nói như thế này: Họ là những người công phu niệm Phật đến nơi đến chốn. Công phu đến nơi đến chốn là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn có cùng cấp bậc, cùng một tầng cấp với minh tâm kiến tánh trong Thiên Tông, đều vượt thoát mười pháp giới, đều chứng đắc Nhất Chân pháp giới. Đó là pháp giới chẳng có hai thứ sanh tử, hiện tượng Phần Đoạn và Biến Dịch hoàn toàn chẳng có, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Những vị Bồ Tát ấy không chỉ thông đạt, mà còn “*thâm đạt*”. Nếu nói “đại sĩ thông đạt Pháp Tánh” thì đó là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát đã thông đạt; từ Nhị Trụ trở lên, có thể nói là “*thâm đạt*”. “*Đương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển, cố vô phục hệ*” (từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng có trói buộc), chúng ta phải học điều này. “*Đương tướng*” (當相) là tướng ở trước mặt ta, “*ly tướng*” (離相) là như thế nào? Ta đối với tất cả những tướng đã hiện đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, sẽ chẳng có chuyện gì nữa, liền lìa tướng. Nếu quý vị ngỡ tướng là thật, nếu thấy hiện tướng bày ra trước mặt, bất luận là hiện tướng gì, bèn ngay lập tức nghĩ hiện tướng ấy là do ý niệm liên tục tích lũy phát sanh huyễn tướng. Quý vị có thể có cách nhìn như vậy thì được rồi, nó đã bị quý vị nhìn thấu suốt, [nó là] hư huyễn, chẳng thật, tự nhiên buông xuống, ngay lập tức quý vị đắc tự tại. Vì sao quý vị chẳng buông xuống được? Nói thật ra, quý vị đã mê quá sâu, đã mê quá lâu, từ vô thủy kiếp tới nay, luân hồi sanh tử trong lục đạo, quý vị thấy thời gian ấy lâu dài như thế nào? Vì thế, mê đã lâu lắm rồi! Loại mê hoặc, điên đảo, loại tập khí ấy được gọi là tập khí vọng tưởng, quá u là sâu. Nay vừa mới nghe Phật pháp, do nghe Phật pháp chẳng sâu, nên cảnh giới hiện tiền, vẫn y như cũ, chẳng thể chuyển được! Nghe trên mười năm, hai mươi năm, sẽ hiểu rõ hơn, nhưng vẫn chẳng chuyển được! Do nguyên nhân nào? Nguyên nhân thật sự là do quý vị chẳng thật thà, chẳng nghe lời, chẳng thật sự hành. Nếu thật thà, nghe lời, thật sự hành, chẳng cần tốn thời gian rất dài! Trong lịch sử Trung Quốc, bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiền Giáo, hay Mật Giáo, người ba năm hoặc năm năm khai ngộ rất nhiều, vì họ buông xuống. Người mười mấy năm, hai mươi năm bèn buông xuống cũng chẳng ít!

Chúng ta xem những ghi chép lịch sử trong Phật môn, tôi ước đoán, trong hai ngàn năm qua, kể từ khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người thật sự tu hành đạt tới cảnh giới này, tôi ước đoán tối thiểu là ba ngàn người. Họ có thể làm được, vì sao chúng ta không làm được? Tình chấp! Phải luyện tập, rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Đầu

tiên là luyện đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Chư vị phải biết: Công phu ấy luyện thành, chỉ là quý vị quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể đảm bảo quý vị sẽ sanh trong cõi trời người của lục đạo, đó chưa phải là pháp rốt ráo. Thật sự luyện chẳng thành, chính mình chẳng nắm chắc, chẳng thể từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển. [Nếu] không thể làm được như vậy, hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn cảnh sẽ khác hẳn. Vì sao? Nói thật thà, hoàn cảnh bên kia là hoàn cảnh sống của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ, [thế mà] bọn phàm phu chúng ta cũng tiến nhập, chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, đúng là pháp khó tin! Vì sao chúng ta có thể tiến nhập? Đó là do A Di Đà Phật đại từ đại bi giúp đỡ chúng ta. Quý vị thấy trong một đời sanh về thế giới Cực Lạc, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Ở đây, A Duy Việt Trí được gọi là “đại sĩ”. [Các vị đại sĩ] thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển. Vì thế, quý vị đến thế giới Cực Lạc, bốn mươi tám nguyện, bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật hoàn toàn gia trì quý vị, quý vị thật sự được thọ dụng, sẽ chẳng chấp tướng! Tướng dầu thù thắng cách mấy, chẳng dẫn khởi ái niệm. Tướng dầu xấu đến mấy, như A Tỳ địa ngục [chẳng hạn], cũng chẳng dẫn khởi ý niệm oán hận. Những ý niệm ấy đều chẳng dậy lên được! Hàng phàm phu chỉ có phương pháp này để sử dụng; vì thế, phương pháp này được mười phương chư Phật tán thán. Các Ngài chẳng tùy tiện tán thán, mà là do có đạo lý nên mới tán thán. Vì thế mới nói: Chỉ cần quý vị học pháp môn Tịnh Độ này, thật sự hành, chẳng có ai không vãng sanh! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là Pháp Thân đại sĩ; tuy chính mình vẫn chưa chứng đắc, nhưng chỉ cần vãng sanh liền đạt được, phải cảm ân đức của A Di Đà Phật, do lão nhân gia gia trì, nên quý vị thật sự được thọ dụng. Sự thọ dụng ấy chẳng giả, đây cũng là ý nghĩa của bốn câu được nói ở đây: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng bị trói buộc. “Phược hệ” (縛繫: trói buộc) là phiền não; sang bên đó bèn đoạn sạch phiền não.

“*Tông Môn vân: Dẫn tự vô tâm u vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiều*” (Nhà Thiền nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”). Nói thật ra, trong nhà Thiền cũng là nói đến cảnh giới này; nhưng câu vừa trích dẫn trên đây quan trọng, vì đối với hết thầy vạn vật, quý vị phải vô tâm thì mới được. Tâm ấy là tâm gì? Tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, quý vị có các tâm ấy là không được. Những tâm ấy thầy đều chẳng có, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm; đó là Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài hòa quang đồng trần, cùng ở chung, cùng sống với chúng ta. Trên thực tế là sống trong hai kích thước không gian khác nhau. Các Ngài biết chúng ta, chúng ta chẳng biết các Ngài. Có người như vậy hay chẳng? Có chứ! Đời Tống, chúng ta thấy một vị là Tế Công. Thưa cùng quý vị, Tế Công là người có thật, chẳng giả! Nhưng quý vị đọc [các sách tiểu thuyết mang tên là] Tế Công Truyện được bán ngoài đời thì chẳng đáng tin, trong ấy chép rất nhiều thứ bịa đặt. Nếu muốn đọc, hãy đọc Cao Tăng Truyện. Trong Cao Tăng Truyện, truyện của Tế Công phân

lượng đúng là chẳng ít, dường như là có bốn quyển! Truyện ký về Ngài đặc biệt nhiều, [tiểu truyện của] những người khác chỉ chép một chương, truyện ký về Ngài gần như chiếm hết bốn quyển. Cao Tăng Truyện đáng tin cậy, Ngài xác thực là “*vạn vật thường vây quanh mà chẳng trở ngại*”.

Trong thời đại này của chúng ta, cũng là nói về thời trước một chút, tức là vào bảy mươi năm trước, tại chùa Kim Sơn huyện Trấn Giang tỉnh Giang Tô, có một vị pháp sư tên là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành trì của lão nhân gia chẳng khác Tế Công cho mấy. Ngài thị hiện, đúng là chẳng giả. Hai câu nói ấy (“*chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh*”) đúng là để hình dung Ngài. Ở Đài Loan, tôi đọc hai quyển sách, tác giả tôi đều quen biết cả. Một vị là pháp sư Chử Vân. Sư chưa từng gặp gỡ pháp sư Diệu Thiện, nhưng biết có vị ấy, nên đi khắp nơi hỏi thăm. Có người đã từng gặp mặt Ngài, biết chuyện Ngài, Sư biên soạn [những lời kể] thành một quyển sách, đặt tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Pháp sư Diệu Thiện mất khi cuộc Kháng Chiến [chống Nhật] sắp kết thúc, Ngài tịch tại Miến Điện. Vị này suốt đời mặc một bộ quần áo, bên trong là quần đùi, bên ngoài là áo dài. Suốt đời mặc bộ quần áo ấy, trời Đông cũng chẳng lạnh, trời Hạ cũng chẳng nóng. Quý vị thấy lạ như thế đó! Mời Ngài dùng cơm, Ngài cho chúng sanh thỏa nguyện. Quý vị xới một chén cơm đưa cho Ngài, Ngài ăn ngay trước mặt quý vị; [người dâng cơm khoan khoái]: “Pháp sư rất thích tôi”. Tín đồ khá đông, mỗi người đều xới một chén đưa cho Ngài. Trong chốc lát, Ngài ăn hai mươi mấy chén; bên cạnh có người nói: “Các vị chớ nên hại thầy, sao lại đối đãi với pháp sư như thế?” Ngài bảo người vừa mới nói: “*Bất tăng, bất giảm*”. Ngài cũng có thể suốt tuần không uống nước, không ăn cơm, cũng có thể một ngày ăn mấy chục chén, bất tăng, bất giảm mà! Chuyện của Ngài rất nhiều, là thật, chẳng giả. Ngài cách chúng ta không xa. Hiện thời đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục kể chuyện cho mọi người nghe. À! Cảm ơn mọi người!